

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **306/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 02 - 4 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Diệu Hà

Bà Trần Thị Xuân Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1131/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Cổ Thoại M, sinh năm 1991

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: 14391 Purdy Street Westminster CA 92683 – 4634 USA.

- Bị đơn: Ông Tô Cẩm D, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp Xóm Bung, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là bà Phan Cổ Thoại M trình bày:

Bà Phan Cổ Thoại M và ông Tô Cẩm D tự nguyện kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 15/6/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi kết hôn, bà Phan Cổ Thoại M về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc nên ông bà sống xa nhau. Do khoảng cách địa lý và văn hóa khác nhau nên ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông bà đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành công. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng không có đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tô Cẩm D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo bị đơn là ông Tô Cẩm D trình bày:

Ông D và bà Phan Cổ Thoại M tự nguyện kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 15/6/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống với nhau ở nhà ông cho đến ngày 25/7/2017 bà Phan Cổ Thoại M về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc nên ông bà sống xa nhau. Sau khi bà M về Hoa Kỳ, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng không có đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Phan Cổ Thoại M và ông Tô Cẩm D đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Cổ Thoại M đang cư trú tại Hoa Kỳ có đơn xin ly hôn với ông Tô Cẩm D hiện đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Phan Cổ Thoại M và ông Tô Cẩm D tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 02/4/2019 nhưng bà M và ông D đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Phan Cổ Thoại M và ông Tô Cẩm D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 15/6/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Phan Cổ Thoại M và ông Tô Cẩm D trình bày thì sau khi kết hôn ông bà chỉ chung sống được một thời gian ngắn sau đó bà M về Hoa Kỳ sinh sống cho đến nay, đồng thời do bất đồng quan điểm sống nên ông bà thường phát sinh mâu thuẫn không hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu của bà M xin ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Phan Cổ Thoại M và ông Tô Cẩm D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 266, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Cổ Thoại M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Cổ Thoại M được ly hôn với ông Tô Cẩm D.

2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Phan Cổ Thoại M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Phan Cổ Thoại M đã nộp theo biên lai thu tạm tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0046089 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Cổ Thoại M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Tô Cẩm D được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bà Phan Cổ Thoại M có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương